


# BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN/ANNUAL REPORT

## Tổng công ty tư vấn xây dựng thủy lợi Việt Nam - CTCP Năm báo cáo/Year: 2019

(Ban hành kèm theo Thông tư số 155/2015/TT-BTC ngày 06 tháng 10 năm 2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán)

### I. Thông tin chung/ General information

#### 1. Thông tin khái quát/ General information

- Tên giao dịch/ Trading name: Tổng công ty Tư vấn xây dựng thủy lợi Việt Nam - CTCP;
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số/ Certificate of business registration No: Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp với mã số doanh nghiệp: 0100103175 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp lần đầu vào ngày 16 tháng 6 năm 2008, thay đổi lần 2 vào ngày 21 tháng 4 năm 2011, thay đổi lần 3 vào ngày 05 tháng 7 năm 2012 và thay đổi lần 4 vào ngày 18 tháng 7 năm 2013;
- Vốn điều lệ/ Charter capital: Vốn điều lệ: 44.000.000.000 VNĐ (Bốn mươi bốn tỷ đồng);
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu/ Owner's capital: Vốn đầu tư của chủ sở hữu: 44.000.000.000 VNĐ (Bốn mươi bốn tỷ đồng);
- Địa chỉ/ Address: Số 2, ngõ 95, phố Chùa Bộc, phường Trung Liệt, quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội;
- Số điện thoại/ Telephone: (024) 38525339/38522331;
- Số fax/Fax: (024) 35631169;
- Website: www.hec.com.vn;
- Logo:  **HEC**
- Mã cổ phiếu (nếu có)/ Securities code (if any): HEJ

#### Quá trình hình thành và phát triển/ Incorporation and development process:

- 06/04/1955: Phòng thiết kế đo đạc, tiền thân của HEC, thuộc Nha thủy lợi, Bộ Giao thông công chính (Thành lập theo Nghị định số 507-TTg của Hội đồng Chính phủ);
- 09/06/1956: Cục Thiết kế thủy lợi, sau đó gọi là Cục Khảo sát thiết kế thủy lợi (Thành lập theo Nghị định số 922TTg do Phó Thủ tướng Phan Kế Toại ký);
- 12/08/1961: Viện Thiết kế thủy lợi - Thủy điện (chuyển từ Cục Khảo sát thiết kế thành Viện theo Quyết định số 632 do Thứ trưởng Bộ Thủy lợi và Điện lực Trần Quý Kiên ký);

- 20/07/1976: Viện Khảo sát thiết kế thủy lợi (nhập Đoàn Khảo sát thủy lợi và các đoàn khảo sát thiết kế thủy lợi Trung Trung bộ và Nam bộ vào Viện Thiết kế thủy lợi-Thủy điện theo QĐ số 1015 QĐ/TL của Bộ Thủy lợi);
- 30/10/1989: Viện Khảo sát thiết kế thủy lợi Quốc gia (Quyết định số 460QĐ/TC của Bộ Thủy lợi);
- 20/02/1993: Công ty Khảo sát Thiết kế Thủy lợi I (Quyết định số 66QĐ/TCCB-LĐ của Bộ Thủy lợi);
- 06/09/1995: Công ty Tư vấn cây dựng Thủy lợi I (Quyết định số 79QĐ/TCCB của Bộ Thủy lợi về việc đổi tên Công ty khảo sát thiết kế thủy lợi I thành Công ty Tư vấn xây dựng thủy lợi I);
- 19/06/2007: Công ty Tư vấn xây dựng thủy lợi Việt Nam (Quyết định số 1769/QĐ-BNN-ĐMDN về việc chuyển Công ty Tư vấn xây dựng thủy lợi I sang tổ chức và hoạt động theo mô hình công ty mẹ - công ty con);
- 15/10/2007: Tổng công ty cổ phần Tư vấn xây dựng thủy lợi Việt Nam (Quyết định số 3075/QĐ-BNN-ĐMDN về việc phê duyệt phương án cổ phần hóa công ty mẹ: Công ty Tư vấn xây dựng thủy lợi Việt Nam);
- 26/04/2008: Đại hội đồng cổ đông thành lập đã được tổ chức thành công và thông qua bản Điều lệ tổ chức và hoạt động của Tổng công ty Tư vấn xây dựng thủy lợi Việt Nam-CTCP;
- 09/06/2008: Tổng công ty Tư vấn xây dựng thủy lợi Việt Nam-CTCP (Quyết định số 1703/QĐ-BNN-ĐMDN về việc điều chỉnh tên gọi Tổng công ty cổ phần Tư vấn xây dựng thủy lợi Việt Nam thành Tổng công ty Tư vấn xây dựng thủy lợi Việt Nam-CTCP).

## 2. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh/ *Lines and locations of the business:*

### - Ngành nghề kinh doanh/*Lines of the business:*

- + Nghiên cứu và phát triển thực nghiệm khoa học tự nhiên và kỹ thuật: Mã ngành 7210.
  - o Chi tiết: Thí nghiệm đất, đá, nước, nền, móng, vật liệu, kết cấu xây dựng phục vụ thiết kế, kiểm tra chất lượng công trình, kiểm định chất lượng xây dựng, xác định nguyên nhân sự cố công trình;
  - o Xây dựng thực nghiệm các công trình thuộc đề tài nghiên cứu chuyên giao công nghệ: khoan, phụt, xử lý nền và thân công trình, sửa chữa xe, máy chuyên dùng và gia công cơ khí;
- + Hoạt động kiến trúc và tư vấn có liên quan: Mã ngành 7110.
  - o Chi tiết: Ngành môi trường nước - cấp thoát nước: Thiết kế cấp thoát nước và xử lý chất thải công trình xây dựng; Quản lý dự án, đầu tư và xây dựng công trình; Thẩm tra dự án đầu tư, thẩm tra thiết kế, thẩm định dự toán công trình; Tư vấn về lập dự án đầu tư, thiết kế, đấu thầu và hợp đồng kinh tế trong xây dựng; Giám sát thi công xây dựng công trình thủy lợi, thủy điện lĩnh vực chuyên môn giám sát: xây dựng

- và hoàn thiện, lắp đặt thiết bị; Giám sát thi công xây dựng công trình: lĩnh vực chuyên môn khảo sát địa chất, khảo sát trắc địa, khảo sát địa chất thủy văn;
- Khảo sát xây dựng các công trình bao gồm: Khảo sát địa chất công trình, địa chất thủy văn, khảo sát trắc địa, khảo sát địa vật lý, khảo sát thủy văn, môi trường;
  - Thiết kế bao gồm: - Thiết kế công trình thủy lợi, thủy điện; - Thiết kế hệ thống điện công trình thủy lợi, thủy điện; - Thiết kế công trình đường dây và trạm biến áp đến 110KV; - Thiết kế lắp đặt thiết bị, công nghệ cơ khí công trình thủy lợi, thủy điện; - Thiết kế cơ khí công trình thủy lợi, thủy điện; - Thiết kế kiến trúc các công trình xây dựng;
  - Lập dự án đầu tư quy hoạch xây dựng thủy lợi, thủy điện, lập tổng dự toán công trình xây dựng;
- + Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ khác chưa được phân vào đâu: Mã ngành 7490.
- Chi tiết: Lập báo cáo đánh giá tác động môi trường, các dự án thủy lợi, thủy điện;
  - Chuyển giao kết quả nghiên cứu khoa học kỹ thuật, công nghệ mới vào thiết kế công trình thủy lợi, thủy điện;
- + Giáo dục khác chưa được phân vào đâu: Mã ngành 8559.
- Tham gia đào tạo, bồi dưỡng các chức danh tư vấn xây dựng;
- + Dịch vụ lưu trú ngắn ngày: Mã ngành 5510.
- Kinh doanh khách sạn;
- + Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê: Mã ngành 6810.
- Chi tiết: Cho thuê bất động sản, văn phòng;
- + Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu: Mã ngành 8299.
- Xuất nhập khẩu, làm đại lý, dịch vụ thương mại máy móc, thiết bị, vật tư in và tư vấn về in;
- + In ấn: Mã ngành 1811.
- In đồ án thiết kế, các tài liệu chuyên môn nghiệp vụ, tạp chí, sách báo theo quy định và giấy phép của cơ quan có thẩm quyền;

- Địa bàn kinh doanh/*Location of business*:

- + Các tỉnh thành trong cả nước.
- + Các tỉnh thuộc nước Cộng hòa dân chủ nhân dân Lào.

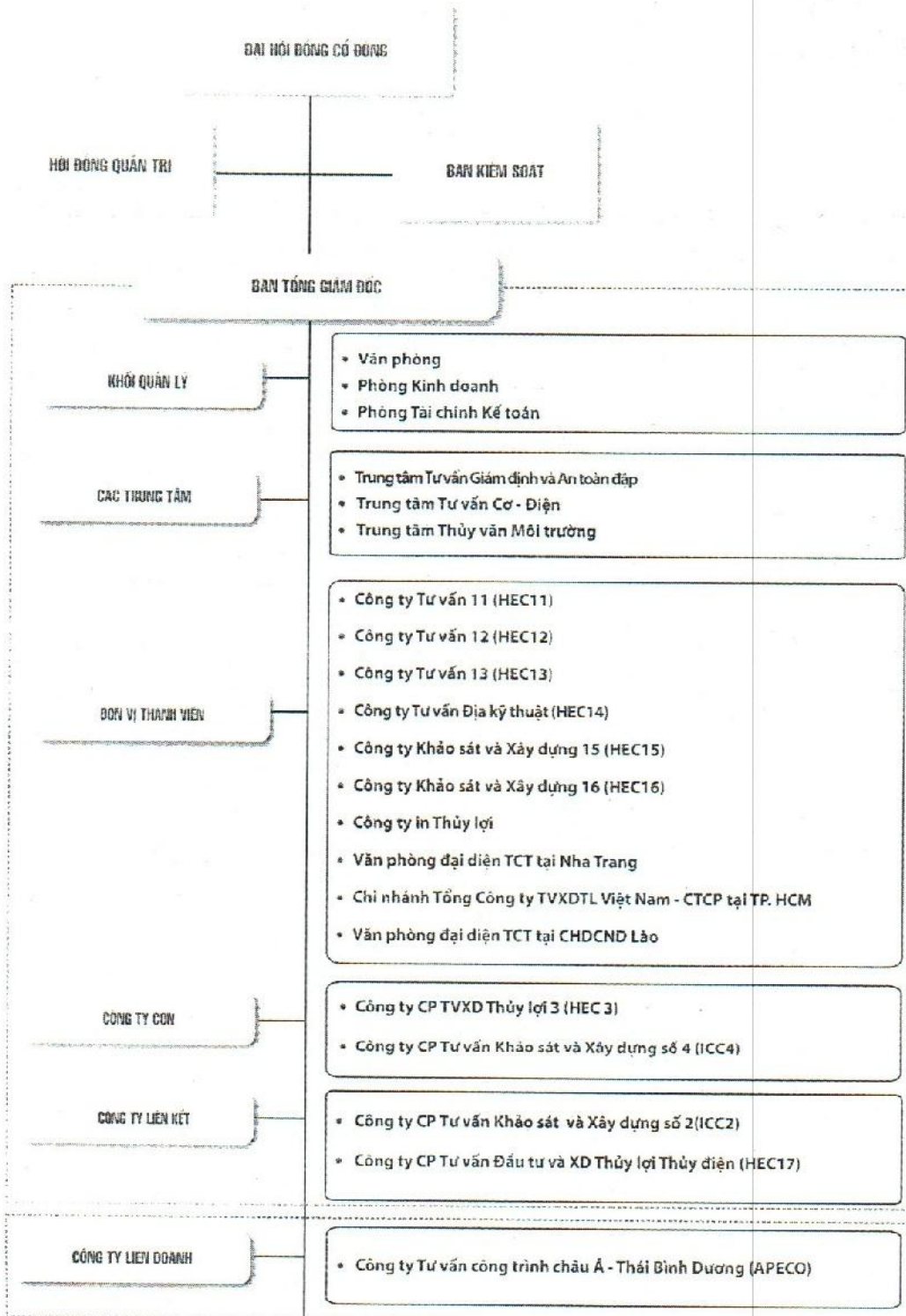
3. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý/*Information about governance model, business organization and managerial apparatus*:

- Mô hình quản trị/*Governance model*:

- + Mô hình quản trị của HEC bao gồm: Đại hội đồng cổ đông; Ban kiểm soát; Hội đồng quản trị; Ban điều hành đứng đầu là Tổng giám đốc, các phó Tổng giám đốc và thủ trưởng (Giám đốc, trưởng phòng) các đơn vị. Cơ cấu của HEC được xây dựng trên nguyên tắc phân công, quản lý theo công việc (dự án) có mối quan hệ chặt chẽ với nhau. Tổng giám đốc điều hành qua phân cấp, phân quyền để trực tiếp giải quyết các công việc cụ thể của đơn vị thông qua Phó TGD phụ trách và thủ trưởng các đơn vị.
- + HEC tổ chức và điều hành theo mô hình công ty cổ phần, tuân thủ theo các quy định của Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, Điều lệ và các văn bản pháp luật hiện hành.
- Cơ cấu bộ máy quản lý/ *Managementstructure*.

Cơ cấu bộ máy quản lý của HEC được thể hiện như sơ đồ dưới đây.

# SƠ ĐỒ TỔ CHỨC



- Các công ty con, công ty liên kết/ *Subsidiaries, associated companies*:

**(1) Công ty con:**

STT	Tên Công ty	Vốn Điều lệ (VNĐ)	HEC	
			Mức vốn góp (VNĐ)	Tỷ lệ vốn góp (%)
1	Công ty cổ phần tư vấn khảo sát và xây dựng số 4 (ICC4): - Địa chỉ: 44 Võ Thị Sáu – Thành phố Quảng Ngãi. - Điện thoại: 0255-3828449 - Email: <a href="mailto:icc4@hec.com.vn">icc4@hec.com.vn</a> . - Lĩnh vực sản xuất kinh doanh chính: Khảo sát xây dựng các công trình	4.950.000.000	2.507.000.000	50,65
2	Công ty cổ phần tư vấn và xây dựng thủy lợi 3 (HEC3): - Địa chỉ: 30 Trịnh Phong-Nha Trang- Khánh Hoà - Điện thoại: 0258-3510228 - Fax: 0258-3510228 - Email: <a href="mailto:hec3@hec.com.vn">hec3@hec.com.vn</a> - Lĩnh vực sản xuất kinh doanh chính: Khảo sát , thiết kế xây dựng các công trình	2.500.000.000	1.679.000.000	58,80
<b>Tổng Cộng:</b>			<b>4.186.000.000</b>	

**(2) Công ty liên kết, liên doanh:**

STT	Tên Công ty	Vốn Điều lệ (VNĐ)	HEC	
			Mức vốn góp (VNĐ)	Tỷ lệ vốn góp (%)
1	Công ty cổ phần tư vấn khảo sát và xây dựng số 2 (ICC2): - Địa chỉ: 50/3 Phường Trung Sơn- Thị xã Tam Điệp. - Điện thoại: 0229-3864006 Fax: 0229-3864306 - Email: <a href="mailto:icc2@hec.com.vn">icc2@hec.com.vn</a>	3.000.000.000	1.050.000.000	30,00

	- Lĩnh vực sản xuất kinh doanh chính: Khảo sát xây dựng các công trình			
2	<p>Công ty cổ phần tư vấn và đầu tư thủy lợi thủy điện (HEC17):</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Trụ sở (địa chỉ): Tầng 3, 95/2 Chùa Bộc – Đống Đa – Hà Nội</li> <li>- Điện thoại: 024.62761103</li> <li>- Fax: 024.62761125</li> <li>Email: hec17@hec.com.vn</li> </ul> <p>- Lĩnh vực sản xuất kinh doanh chính: Thiết kế xây dựng các công trình</p>	2.500.000.000	1.000.000.000	76,92
3	<p>Liên doanh APECO:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Địa chỉ: P301 - D10 - Giảng Võ, Ba Đình, Hà Nội</li> <li>- Điện thoại: (84 24) 37723805</li> <li>- Fax: (84 24) 37723806</li> <li>- Email: <a href="mailto:apeco@fpt.vn">apeco@fpt.vn</a></li> </ul> <p>- Lĩnh vực sản xuất kinh doanh chính: Khảo sát, thiết kế xây dựng các công trình</p>	6.800.000.000	1.367.999.306	20,10
<b>Tổng cộng:</b>			<b>3.417.999.306</b>	

4. Định hướng phát triển/ *Development orientations*

- Các mục tiêu chủ yếu của Công ty/ *Main objectives*

Nam Bộ, các công trình phục vụ tiêu, chống ngập cho các thành phố lớn đặc biệt là thành phố Hà Nội và thành phố Hồ Chí Minh. Đầu tư các phần mềm tính toán, đào tạo cán bộ để tiếp cận được các dự án ứng phó với biến đổi khí hậu, các dự án thuộc nguồn vốn phòng chống thiên tai.

+ Kiện toàn lại mô hình tổ chức của HEC với xu hướng tinh giảm gọn nhẹ, nhân sự có trình độ. Công tác tuyển dụng lao động được cải tiến sao cho tuyển được người lao động có khả năng và có tâm huyết ở với HEC. Xây dựng quy chế đào tạo để đảm bảo nâng cao năng lực cán bộ đồng thời giữ được cán bộ phục vụ Tổng công ty.

+ Từng bước xây dựng phong cách làm việc chuyên nghiệp, độc lập và đảm bảo mọi yêu cầu của khách hàng về tiến độ và chất lượng dịch vụ tư vấn. Chiến lược này cũng chính là mục tiêu và chính sách chất lượng của HEC thể hiện trong hệ thống quản lý chất lượng ISO 9001-2015.

+ Ngoài lĩnh vực hoạt động chính là tư vấn, với lợi thế về địa điểm và đất đai cũng như kinh nghiệm tư vấn dự án, HEC sẽ nghiên cứu để phát triển thêm dịch vụ và đầu tư nhằm mục đích nâng cao thu nhập của người lao động và gia tăng lợi ích của cổ đông.

- Các mục tiêu phát triển bền vững (môi trường, xã hội và cộng đồng) và chương trình chính liên quan đến ngắn hạn và trung hạn của Công ty/*Corporate objectives with regard to Corporate environment, society and community Sustainability.*

+ Xây dựng đội ngũ nhân viên giỏi chuyên môn, có đạo đức nghề nghiệp.

+ Xây dựng chính sách trả lương thỏa đáng để tạo động lực gắn kết người lao động với Tổng công ty.

+ Tiếp tục giữ vững vị thế một trong những công ty hàng đầu trong lĩnh vực tư vấn khảo sát thiết kế các công trình thủy lợi, thủy điện, cải tạo nguồn nước tại Việt Nam.

#### 5. Các rủi ro/ *Risks*:

- Rủi ro về thị trường: Là những rủi ro ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh của HEC đến từ thị trường. Ngành nghề kinh doanh chủ yếu của HEC là tư vấn khảo sát thiết kế các công trình thủy lợi, thủy điện, cải tạo nguồn nước mà đa phần công việc là phục vụ dân sinh kinh tế do Nhà nước làm chủ đầu tư. Nên khi có thay đổi chính sách dẫn đến thị trường bị thu hẹp (Ví dụ như nghị quyết 11 về cắt giảm đầu tư công của Chính phủ) sẽ chịu nhiều rủi ro do tạm dừng triển khai các dự án/công trình.
- Rủi ro về thanh toán: Đa phần các công trình mà HEC tham gia thực hiện là có vốn đầu tư từ ngân sách nên việc thanh quyết toán hết sức chậm. Có dự án phải đến trên 10 năm mới hoàn thành việc thanh quyết toán. Một số các công trình mà chủ đầu tư là các công ty cổ phần thì việc thu hồi nợ rất khó khăn. Việc thanh toán không đúng tiến độ trong hợp đồng ảnh hưởng lớn đến dòng tiền và kế hoạch đầu tư của HEC.
- Rủi ro về lãi suất: Rủi ro về việc thay đổi lãi suất của các Ngân hàng.
- Rủi ro về thuế: Tăng thuế đất nhiều và xu hướng còn tiếp tục tăng.



- Rủi ro về cạnh tranh: Hiện tại, với việc dễ dàng trong thành lập các công ty tư vấn nên hầu hết các tỉnh thành, huyện đều có các công ty tư vấn với mô hình gọn nhẹ, quan hệ mật thiết với địa phương nên việc cạnh tranh rất khốc liệt. Tiêu chí lựa chọn nhà thầu tư vấn hiện nay chưa thiên về năng lực mà bị ảnh hưởng nhiều bởi các yếu tố khác. Việc quản lý nhà nước về đấu thầu chưa thực sự đảm bảo công bằng, minh bạch do vậy vẫn còn tiếp diễn tình trạng cạnh tranh không lành mạnh trong đấu thầu.
- Rủi ro về chính sách pháp luật: Thay đổi chính sách về lương tối thiểu của Nhà nước liên tục dẫn tới chi phí bảo hiểm xã hội tăng nhanh trong khi giá thiết kế không thay đổi, bất cập trong các chính sách về thuế đối với đặc thù ngành nghề tư vấn thủy lợi. Đặc biệt là thay đổi nhiều nhất về chính sách bảo hiểm xã hội từ năm 2018 trở đi làm cho chi phí bảo hiểm xã hội tăng đột biến.
- Rủi ro về nhân sự: Trong lĩnh vực tư vấn, chất xám là tài sản cốt lõi quyết định đến sự thành hay bại của bất cứ doanh nghiệp tư vấn nào. Hiện nay với sự cạnh tranh ngày càng có nhiều công ty tư vấn (trong và ngoài nước) hoạt động trên khắp các địa bàn trong cả nước với chính sách lương hấp dẫn, chế độ đãi ngộ tốt (mặc dù là không bền vững), ... thì việc di chuyển các cán bộ là chủ nhiệm dự án, cán bộ quản lý,.. là một rủi ro lớn của của HEC. Việc tuyển dụng nhân sự đáp ứng được công việc rất khó khăn (sinh viên mới ra trường thường phải mất từ 2 đến 5 năm đào tạo thì mới có thể đáp ứng được công việc ở mức bình thường của người kỹ sư thiết kế).

## II. Tình hình hoạt động trong năm/ *Yearly Operations*

### 1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh/ *Situation of production and business operations:*

- Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trong năm/ *Results of business operations in the year:*

+ Tổng doanh thu	: 144,36 tỷ đồng;
+ Lợi nhuận trước thuế	: 6,82 tỷ đồng;
+ Lợi nhuận sau thuế	: 5,57 tỷ đồng;
+ Thu nhập bình quân tháng/NLĐ	: 7,9 triệu đồng;

Nguồn thu nhập không có nhiều thay đổi so với những năm trước, doanh thu chính vẫn là từ khảo sát thiết kế các công trình.

- Tình hình thực hiện so với kế hoạch/ *Implementation situation/actual progress against the plan:*

Các mục tiêu được đề ra trong ĐHCĐ thường niên năm 2019 tuy chưa hoàn thành về chỉ tiêu doanh thu và lợi nhuận nhưng vẫn có thể đảm bảo mức chi trả cổ tức. Cụ thể như bảng tổng hợp dưới đây:

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Kết quả thực hiện năm 2018	Kết quả thực hiện năm 2019	Kế hoạch theo nghị quyết ĐHĐCĐ 2019	Tỷ lệ so sánh với kế hoạch ĐHĐCĐ (%)
1	Doanh thu	Tỷ đồng	204,96	144,36	214	67,5
2	Lợi nhuận sau thuế	Tỷ đồng	11,040	5,574	11,8	47,2
3	Tỷ lệ trả cổ tức	%/năm/CP	19,5		20,8	
4	Thu nhập bình quân	Triệu đồng/tháng/người	7,7	7,9	7-8	Đạt

2. Tổ chức và nhân sự/*Organization and Human resource*

- Danh sách Ban điều hành/*List of the Board of Directors:*

Danh sách ban Tổng giám đốc

STT	Họ và tên	Chức vụ hiện nay	Mã CD	Số lượng cổ phần		Tỷ lệ (%)
				Cá nhân	Nhà nước	
1	Nguyễn Ngọc Lâm	Tổng giám đốc		92.000	-	2,09%
				-	646.800	14,70%
2	Võ Văn Lung	Phó Tổng giám đốc		13.824	-	0,31%
				-	862.400	19,60%
3	Phan Kim Yến	Kế toán trưởng		20700	-	0,47%
<b>Tổng cộng:</b>						<b>37,17%</b>

Danh sách các cán bộ quản lý khác

STT	Họ và tên	Chức vụ hiện nay	Mã CD	Số lượng cổ phần		Tỷ lệ (%)
				Cá nhân	Nhà nước	
1	Đào Hoài Anh	TP Kinh doanh		106.082	-	2,41%
2	Lê Tuấn Anh	Chánh Văn phòng		-	-	
3	Lê Nho Thịnh	Giám đốc HEC11		1.935	-	0,04%
4	Vũ Phương Minh	Giám đốc HEC12		10.572	-	0,24%
5	Nguyễn Chí Trường	Giám đốc HEC13		6.400	-	0,14%

STT	Họ và tên	Chức vụ hiện nay	Mã CĐ	Số lượng cổ phần		Tỷ lệ (%)
				Cá nhân	Nhà nước	
6	Đỗ Ngọc Cương	Giám đốc HEC14		4.300	-	0,1%
7	Vũ Văn Tinh	Giám đốc HEC15		1.200	-	0,3%
8	Bùi Quốc Vinh	Giám đốc HEC16		4.000	-	0,09%
9	Nguyễn Thúy Quỳnh	Giám đốc In thủy lợi		30.400	-	0,69%
10	Nguyễn Duy Thoan	Giám đốc TTTVGD&ATTĐ		3.617	-	0,08%
11	Nguyễn Việt Hưng	Giám đốc TTTVMT		1.699	-	0,04%
12	Nguyễn Mạnh Hiếu	Giám đốc TTC-Đ		1.130	-	0,03%
13	Trần Văn Tuấn	Giám đốc VP đại diện tại Lào		36.300	-	0,83%

*Ghi chú: Số lượng CP theo danh sách cổ đông chốt ngày 06/4/2020*

- Những thay đổi trong ban điều hành/ *Changes in the Board of Management:*

(a) **Ban điều hành:** không có thay đổi

(b) **Lãnh đạo các đơn vị:** không có thay đổi

- Số lượng cán bộ, nhân viên. Tóm tắt chính sách và thay đổi trong chính sách đối với người lao động./ *Number of staffs. Summary and changes of the employee policies.*

Tính đến hết ngày 31/12/2019, tổng số người lao động tại công ty Mẹ của HEC là: 315 người.

Tóm tắt các chính sách đối với người lao động tại Tổng công ty

\* Về tiền lương:

Đã ban hành Quyết định 493/QĐ-HEC-VP ngày 18/7/2018 kèm theo Quy định Lương của Tổng công ty tư vấn xây dựng Thủy lợi Việt Nam – CTCP; Quyết định 601/QĐ-HEC-VP ngày 30/8/2018 V/v sửa đổi, bổ sung Quy định Lương của TCT tư vấn xây dựng Thủy lợi Việt Nam – CTCP (Lần thứ nhất); Quyết định 836/QĐ-HEC-VP ngày 07/12/2018 V/v trả lương cho người lao động trong TCT.

\*Về công tác đào tạo: Với mục tiêu hướng đến kỹ năng chuyên môn hoá cao trong tất cả các bộ phận công tác, HEC luôn khuyến khích người lao động nâng cao năng lực nghiệp vụ, chuyên môn để đảm bảo hoàn thành nhiệm vụ tốt nhất. Ngoài ra, HEC đã hỗ trợ kinh phí đào tạo cho người lao động trong việc học cao học, thi nâng bậc đối với công nhân nhằm tập nâng cao nghiệp vụ, kỹ thuật. Trong thời gian tới, HEC tiếp tục tổ chức các lớp học chủ nhiệm chuyên ngành, thi nâng cao tay nghề, bậc kỹ thuật, tạo ra phong trào học tập đi đôi với sáng tạo trong lao động sản xuất, phục vụ tốt cho mục tiêu phát triển lâu dài.

\*Về chính sách khen thưởng, kỷ luật: Để khuyến khích người lao động, HEC có chính

sách khen thưởng xứng đáng với cá nhân, tập thể có thành tích xuất sắc. Bên cạnh đó tháng 12/2013. HEC cũng đã ban hành Quy định về xử lý kỷ luật lao động làm căn cứ để xử phạt đối với các hành vi gây ảnh hưởng xấu đến hoạt động, hình ảnh của HEC.

\* Công tác đời sống đối với người lao động HEC: luôn quan tâm, cố gắng đảm bảo cho người lao động có việc làm và thu nhập.

\* Trợ cấp khó khăn cho người lao động có hoàn cảnh khó khăn thường xuyên, kịp thời, đúng đối tượng. HEC xây dựng quỹ từ thiện, quỹ xóa đói giảm nghèo, luôn đảm bảo kinh phí để chi cho công tác này hàng năm.

\* Công tác BHXH, BHYT, Bảo hiểm tai nạn lao động: HEC luôn chấp hành đầy đủ 100% thực hiện đúng chế độ chính sách đối với người lao động.

\* Tổ chức khám sức khỏe định kỳ một năm một lần cho toàn thể người lao động ký hợp đồng có thời hạn từ 01 năm trở lên.

### 3. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án/*Investment activities, project implementation*

a) Các khoản đầu tư lớn/ *Major investments*: Chưa đầu tư dự án nào

b) Các công ty con, công ty liên kết/ *Subsidiaries, associated companies*:

Số vốn đầu tư góp vốn vào 5 công ty là: 7,603 tỷ đồng. Kết quả đầu tư trong 05 năm gần nhất như sau (Tỷ lệ lãi suất đầu tư %):

STT	Đơn vị	2015	2016	2017	2018	2019	Ghi chú
1	APECO	28	34	31	30	30	
2	HEC3	8	10	12	25	-	chưa ĐHCĐ
3	ICC4	12	10	8	8	-	chưa ĐHCĐ
4	ICC2	12	10	10	10	10	
5	HEC17	0	0	8		-	chưa ĐHCĐ

Vốn kinh doanh tại các công ty trên ổn định và có tăng trưởng.

### 4. Tình hình tài chính/ *Financial situation*

a) Tình hình tài chính/ *Financial situation*

Chỉ tiêu/ <i>Financial Figure</i>	Năm/Year 2018 (đ)	Năm/Year 2019 (đ)	% tăng giảm/ % change
Tổng giá trị tài sản/ <i>Total asset</i>	210.529.015.465	172.028.208.108	81,9%
Doanh thu thuần/ <i>Net revenue</i>	200.884.870.661	138.666.713.063	69%

Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/ <i>Profit from operating activities</i>	11.577.591.510	3.445.427.335	29,8%
Lợi nhuận khác/ <i>Other profits</i>	2.502.749.977	3.380.667.994	135%
Lợi nhuận trước thuế/ <i>Profit before tax</i>	14.080.341.487	6.826.095.329	48,5%
Lợi nhuận sau thuế/ <i>Profit after tax</i>	11.040.420.092	5.574.159.184	50,5%

b) Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu/*Major financial benchmarks:*

Chỉ tiêu/ <i>Benchmarks</i>	Năm/Year 2018	Năm/Year 2019	Ghi chú/Note
<p>1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán/ <i>Solvency ratio</i></p> <p>+ Hệ số thanh toán ngắn hạn/<i>Current ratio:</i> Tài sản ngắn hạn/Nợ ngắn hạn (<i>Short term Asset/Short term debt</i>)</p> <p>+ Hệ số thanh toán nhanh/<i>Quick ratio:</i> <u>Tài sản ngắn hạn - Hàng tồn kho</u> Nợ ngắn hạn <i>Short term Asset - Inventories</i> <i>Short term Debt</i></p>	1,37	1,41	
<p>2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn/ <i>capital structure Ratio</i></p> <p>+ Hệ số Nợ/Tổng tài sản(<i>Debt/Total assets ratio</i>)</p> <p>+ Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu(<i>Debt/Owners' Equity ratio</i>)</p>	63,24%	62,8%	
<p>3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động/<i>Operation capability Ratio</i></p> <p>+ Vòng quay hàng tồn kho/<i>Inventory turnover:</i></p>	8,48 lần	7,26 lần	

Giá vốn hàng bán/Hàng tồn kho bình quân ( <i>Cost of goods sold/Average inventory</i> )			
Doanh thu thuần/Tổng tài sản ( <i>Net revenue/ Total Assets</i> )	0,95 lần	80,61 lần	
<b>4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời/ Target on Profitability</b>			
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần ( <i>profit after tax/ Net revenue Ratio</i> )	5,49 %	3,86 %	
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu ( <i>profit after tax/ total capital Ratio</i> )	16,13%	8,7%	
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản ( <i>profit after tax/ Total assets Ratio</i> )	5,24%	3,24%	
+ Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần ( <i>Operating profit/ Net revenue Ratio</i> )	5,76%	2,48%	
.....			

5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu/ *Shareholders structure, change in the owner's equity.*

a) Cổ phần/*Shares*:

- Tổng số cổ phần: 4.400.000 CP
- Loại CP: phổ thông
- Số lượng cổ phần bị hạn chế chuyển nhượng: không

b) Cơ cấu cổ đông/*Shareholders structure*:

- Cổ đông nhà nước: 2.156.000 CP; do 03 cá nhân đại diện
- Cổ đông tổ chức: 22.000 CP

Bao gồm 01 Công ty và tổ chức công đoàn HEC

- Cổ đông lớn:

- + Số CP  $\geq 1\%$  và  $\leq 5\%$  : 08
- + Số CP  $\leq 10\%$  : 01
- + Số CP  $\geq 10\%$  : không có

( theo danh sách cổ đông chốt ngày 06/4/2020)

c) Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu/ *Change in the owner's equity*:

Không có thay đổi

d) Giao dịch cổ phiếu quỹ/ *Transaction of treasury stocks*:

Không có

e) Các chứng khoán khác/ *Other securities*: Không có

6. Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của công ty/ *Report related impact of the Company on the environment and society*

Hoạt động của Tổng công ty phân chia thành 2 lĩnh vực chính:

- Công việc thiết kế: làm việc tại văn phòng là chính, không có nhiều tác động xấu tới môi trường xã hội.

- Công việc khảo sát thực địa: có sử dụng xăng, dầu Diesel cho các máy bơm, máy khoan nhưng số lượng không đáng kể do vậy ảnh hưởng tới môi trường không lớn.

6.1. Quản lý nguồn nguyên vật liệu/ *Management of raw materials*:

a) Tổng lượng nguyên vật liệu được sử dụng để sản xuất và đóng gói các sản phẩm và dịch vụ chính của tổ chức trong năm/ *The total amount of raw materials used for the manufacture and packaging of the products as well as services of the organization during the year*.

b) Báo cáo tỉ lệ phần trăm nguyên vật liệu được tái chế được sử dụng để sản xuất sản phẩm và dịch vụ chính của tổ chức/ *The percentage of materials recycled to produce products and services of the organization*.

Tỷ lệ nguyên vật liệu được tái chế: 0%

6.2. Tiêu thụ năng lượng/ *Energy consumption*:

a) Năng lượng tiêu thụ trực tiếp và gián tiếp/ *Energy consumption - directly and indirectly*.

- Điện năng tiêu thụ 1 năm khoảng: 800.000 kwh

- Xăng, dầu tiêu thụ 1 năm khoảng: 125.000 lít

b) Năng lượng tiết kiệm được thông qua các sáng kiến sử dụng năng lượng hiệu quả/ *Energy savings through initiatives of efficiently using energy*.

Không có

c) Các báo cáo sáng kiến tiết kiệm năng lượng (cung cấp các sản phẩm và dịch vụ tiết kiệm năng lượng hoặc sử dụng năng lượng tái tạo); báo cáo kết quả của các sáng kiến này/ *The report on energy saving initiatives (providing products and services to save energy or use renewable energy); report on the results of these initiatives*.

6.3. Tiêu thụ nước: (mức tiêu thụ nước của các hoạt động kinh doanh trong năm)/ *Water consumption (water consumption of business activities in the year)*

a) Nguồn cung cấp nước và lượng nước sử dụng/ *Water supply and amount of water used.*

Nguồn cung cấp nước: hệ thống cấp nước sinh hoạt của thành phố Hà Nội và các thành phố có trụ sở các chi nhánh.

Lượng nước sử dụng cho sinh hoạt thông thường khoảng 6.000 m<sup>3</sup>/năm. Không sử dụng nước trong sản xuất khác.

b) Tỷ lệ phần trăm và tổng lượng nước tái chế và tái sử dụng/ *Percentage and total volume of water recycled and reused.*

Không có

6.4. Tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường/ *Compliance with the law on environmental protection:*

a) Số lần bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường/ *Number of times the company is fined for failing to comply with laws and regulations on environment.*

Không

b) Tổng số tiền do bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường/ *The total amount to be fined for failing to comply with laws and regulations on the environment.*

6.5. Chính sách liên quan đến người lao động/ *Policies related to employees*

a) Số lượng lao động, mức lương trung bình đối với người lao động/ *Number of employees, average wages of workers.*

- Số lượng lao động: 350 người.

- Lương bình quân: 7,9 triệu đồng/tháng

b) Chính sách lao động nhằm đảm bảo sức khỏe, an toàn và phúc lợi của người lao động/ *Labor policies to ensure health, safety and welfare of workers.*

Chính sách sử dụng lao động tuân thủ các quy định của pháp luật hiện hành và theo thỏa ước lao động tập thể.

Thực hiện đầy đủ các chế độ BHXH, BHYT, BHTN cho người lao động.

Xây dựng và thực hiện các quy chế nội bộ, nội quy lao động và quy chế dân chủ cơ sở để người lao động thực hiện một cách rõ ràng, công khai.

c) Hoạt động đào tạo người lao động/ *Training employees*

- Số giờ đào tạo trung bình mỗi năm, theo nhân viên và theo phân loại nhân viên/ *The average number of training hours per year, according to the staff and classified staff.*

Tổng công ty đã xây dựng và thực hiện quy chế đào tạo. Khuyến khích người lao động tham gia các lớp đào tạo nâng cao trình độ chuyên môn và có chế độ khi đi học thỏa



đáng. Ưu tiên hình thức tự đào tạo trong công việc thực hiện là chính. Đào tạo tập trung thành lớp theo từng chuyên đề khi có nhu cầu.

- Các chương trình phát triển kỹ năng và học tập liên tục để hỗ trợ người lao động đảm bảo có việc làm và phát triển sự nghiệp/ *The skills development and continuous learning program to support workers employment and career development.*

Các lớp đào tạo chủ nhiệm thiết kế; đào tạo sử dụng các phần mềm tính toán; đào tạo tay nghề cho công nhân kỹ thuật, tổ chức thi nâng bậc công nhân.

6.6. Báo cáo liên quan đến trách nhiệm đối với cộng đồng địa phương/ *Report on responsibility for local community.*

Các hoạt động đầu tư cộng đồng và hoạt động phát triển cộng đồng khác, bao gồm hỗ trợ tài chính nhằm phục vụ cộng đồng/ *The community investments and other community development activities, including financial assistance to community service.*

- Đóng góp về vật chất cho cộng đồng dân cư địa phương (nơi có trụ sở)

- Tại các công trình nơi thực hiện khảo sát thiết kế: xây dựng nhà tình nghĩa (tùy thuộc từng công trình và nhu cầu của địa phương).

6.7. Báo cáo liên quan đến hoạt động thị trường vốn xanh theo hướng dẫn của UBCKNN/ *Green capital market activities under the guidance of the SSC.*

### **III. Báo cáo và đánh giá của Ban Giám đốc/ *Report and assessment of the Board of Management (Ban Giám đốc báo cáo và đánh giá về tình hình mọi mặt của công ty/the Board of Management reports and assesses on the situation in all aspects of the Company)***

1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh/ *Assessment of operating results*

- Tổng quan về hoạt động của Tổng công ty:

Do đã phân tích trước được chủ trương đầu tư của Nhà nước đối với ngành thủy lợi nên đã chủ động xây dựng kế hoạch sản xuất phù hợp nên sản lượng thực hiện không có nhiều thay đổi so với nghị quyết của hội nghị người lao động.

Về doanh thu: Doanh thu giảm khá nhiều so với năm 2018 do năm 2019 là những năm cuối của chu kỳ vốn trái phiếu Chính Phủ giai đoạn 2016-2020 việc giải ngân vốn đầu tư công đa phần là phân xây dựng công trình, chi phí cho công việc khảo sát thiết kế không nhiều.

So với năm 2018, các chỉ tiêu như sau:

+ Doanh thu: 69%

+ Lợi nhuận: 48.5%

+Thu nhập người lao động: 100%

Đánh giá chung trong năm 2019, ban lãnh đạo HEC đã cơ bản hoàn thành kế hoạch sản xuất kinh doanh đã đề ra trong hội nghị người lao động toàn Tổng công ty. Tuy nhiên do quy định yêu cầu về chỉ tiêu tăng trưởng của cổ đông Nhà nước (SCIC) nên ĐHCĐ

năm 2019 đã đưa ra chỉ tiêu doanh thu, lợi nhuận khá lớn so với thực tế có thể thực hiện được. Vì vậy các chỉ tiêu doanh thu, lợi nhuận so với ĐHCĐ năm 2019 đều không đạt.

Doanh nghiệp hoạt động đã đảm bảo được các yếu tố sau:

- + Cơ bản bảo toàn được vốn của Chủ sở hữu.
- + Kinh doanh có lãi, đảm bảo lợi ích của các nhà đầu tư.
- + Đảm bảo các quyền lợi, lợi ích của người lao động.
- + Đảm bảo thực hiện đúng nghĩa vụ thuế và các nghĩa vụ khác đối với nhà nước.
- Những tiến bộ công ty đã đạt được/The Company's achievements.
- + Tiếp cận các tiến bộ khoa học kỹ thuật trong thiết kế và xây dựng công trình thủy lợi, đã áp dụng thành công ở một số công trình.
- + Hoàn thiện cơ chế quản lý kỹ thuật để nâng cao chất lượng sản phẩm và tiến độ
- + Công nhận nhiều sáng kiến hợp lý hóa sản xuất, xây dựng các phần mềm nhỏ tiện ích trong hoạt động khảo sát thiết kế và đã ứng dụng trực tiếp vào sản xuất thành công.

## 2. Tình hình tài chính/ Financial Situation

### a) Tình hình tài sản/ Assets

Tình hình tài sản không có nhiều biến động so với các năm trước. Đầu tư tài chính dài hạn không thay đổi, các khoản đầu tư này vẫn mang lại hiệu quả kinh tế. Vốn chủ sở hữu được bảo toàn và đều tăng dần hàng năm.

Nhìn chung việc sử dụng tài sản của Tổng công ty là hiệu quả. Nợ phải thu xấu ảnh hưởng đến đến kết quả sản xuất kinh doanh không đáng kể. Đa phần các khoản nợ quá hạn đều từ các Ban quản lý dự án của Nhà nước do chưa phân bổ được ngân sách hoặc nguồn vốn trái phiếu Chính Phủ giai đoạn 2016-2020; hoặc các khoản giữ lại bảo hành công trình theo quy định của Luật Xây dựng.

Tổng tài sản: 172.028.208.108 đ

- Tài sản ngắn hạn: 145.994.095.344 đ

- Tài sản dài hạn: 26.034.112.764 đ

Khoản nợ phải thu: 9,5 tỷ đồng, chiếm 5,5 % tổng tài sản.

Phần lớn các khoản nợ phải thu từ các Chủ đầu tư là Ban quản lý dự án của Bộ NN&PTNT và các Tỉnh, nguồn vốn các dự án Nhà nước đầu tư.

### b) Tình hình nợ phải trả/ Liabilities

- Tình hình nợ hiện tại, biến động lớn về các khoản nợ/ *Current debts, major changes of debts.*

Nợ phải trả :không có biến động lớn về các khoản nợ

Nợ phải trả: 107.961.992.753 đ

+ Nợ ngắn hạn: 103.753.720.452 đ

+ Nợ dài hạn: 4.208.272.301 đ

Bao gồm các khoản mục chính :

- o Các chủ đầu tư tạm ứng theo hợp đồng: 4,198 tỷ đồng;
- o Chi phí lao động phải trả: 17,157 tỷ đồng;
- o Tiền chưa thanh toán cho B phụ: 18,332 tỷ đồng;
- o Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn: 21,536 tỷ đồng;

- Phân tích nợ phải trả xấu, ảnh hưởng chênh lệch của tỉ lệ giá hối đoái đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty, ảnh hưởng chênh lệch lãi vay/ Analysis of outstanding debts, impact of the exchange rate changes on operating results of the company, and the cost of borrowing to the company's results.

Do đặc thù ngành sản xuất kinh doanh của HEC là sản xuất theo đơn đặt hàng, chủ đầu tư chủ yếu là các Ban quản lý dự án thuộc Bộ NN&PTNT hoặc các Tỉnh nên trong tình hình Nhà nước điều chỉnh nguồn vốn đầu tư công giữa các dự án, HEC gặp rất nhiều khó khăn trong việc thu hồi các khoản phải thu từ các Chủ đầu tư dẫn đến vẫn còn tình trạng thiếu vốn kinh doanh.

Các khoản nợ phải trả đều có khả năng thanh toán, không có các khoản nợ xấu. Các khoản vay đều có khả năng trả nợ. Ảnh hưởng chênh lệch tỷ giá hối đoái đến kết quả sản xuất kinh doanh không có do các khoản vay là tiền đồng.

3. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý/ Improvements in organizational structure, policies, management.

- Bổ nhiệm một số vị trí chủ chốt, đào tạo đội ngũ cán bộ kỹ sư trẻ, năng động sáng tạo trong điều hành, quản lý sản xuất kinh doanh.
- Tin học hóa việc điều hành sản xuất kinh doanh để tiết kiệm nhân lực và kiểm soát tốt hơn toàn bộ hoạt động sản xuất của HEC. Giảm thiểu các cuộc họp giao ban có tính chất định kỳ, hình thức. Đến nay toàn bộ văn bản, công văn đến – đi đều thực hiện qua hệ thống thư điện tử @hec.com.vn, việc chỉ đạo sản xuất, nắm bắt tình hình công việc đều qua hệ thống này.
- Liên tục cập nhật và duy trì áp dụng quy trình quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn quản lý chất lượng ISO 9001:2008, đã hoàn thiện và tái cấp chứng chỉ theo ISO 9001: 2015.

Các biện pháp kiểm soát:

- + Thực hiện cơ chế khoán song song với chế độ giám sát chặt chẽ của các Phó Tổng giám đốc phụ trách, chủ nhiệm thiết kế và các phòng chức năng liên quan.
- + Các Phó Tổng giám đốc chỉ đạo trực tiếp các dự án và giải quyết các công việc phát sinh liên quan trực tiếp đến các dự án đó.
- + Các phòng chức năng (Kinh doanh, Văn phòng, Tài chính kế toán) giám sát quá trình sử dụng nhân lực và thực hiện chế độ chính sách đối với người lao động (việc làm, thu nhập, tiền thưởng, chế độ nghỉ, an toàn và vệ sinh lao động...).

#### 4. Kế hoạch phát triển trong tương lai/ Development plans in the future

Định hướng phát triển của HEC về lâu dài là mở rộng nhiều ngành nghề khác để đa dạng hóa nguồn thu. Tuy nhiên, để thực hiện được chính sách này đòi hỏi cần có thời gian chuẩn bị cả về nguồn vốn lẫn nhân lực. Đặc biệt là trong tình hình hiện nay Nhà nước đang tiến hành các thủ tục thoái vốn tại HEC nên các dự án đầu tư, các phương án kinh doanh khác đều chưa thể thực hiện. Do vậy trong năm 2020 trước mắt nguồn thu chủ yếu xác định vẫn là từ ngành nghề chính khảo sát thiết kế công trình.

Để duy trì công tác sản xuất, Tổng công ty cần tiếp tục giữ vững vị trí tại các thị trường truyền thống như khu vực Bắc, Trung bộ, cùng cố và từng bước mở rộng hoạt động tại thị trường Lào và đồng bằng sông Cửu Long. Đồng thời phải cải tiến mạnh mẽ công tác quản lý nhằm hợp lý hóa các bộ phận sản xuất, phải đảm bảo lợi ích của người lao động và lợi ích của cổ đông.

- Tăng cường đầu tư trang thiết bị cho khối khảo sát để tăng năng suất lao động đẩy nhanh tiến độ và có thể thực hiện được các hợp đồng kiểm định an toàn đập, hồ chứa lớn phức tạp; các công trình khoan phụt có yêu cầu cao về thiết bị. Tiếp cận các tiến bộ khoa học trong công tác xử lý nền các công trình nhằm mục đích đầu tư trang thiết bị, đào tạo nhân lực để có thể tham gia các hoạt động xây dựng trong lĩnh vực xử lý nền theo công nghệ mới.
- Trang bị các phần mềm tính toán cơ bản nhằm ứng dụng khoa học kỹ thuật hiện đại vào công tác thiết kế đáp ứng các yêu cầu về năng lực sản xuất, tăng năng suất lao động, giảm chi phí đầu vào hạ giá thành sản phẩm góp phần nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh trong điều kiện cạnh tranh khốc liệt hiện nay;
- Tăng cường và nâng cao năng lực đội ngũ kỹ sư tư vấn xử lý nước thải, cấp nước sinh hoạt, đủ trình độ để áp dụng các công nghệ tưới tiên tiến, tiết kiệm trong các dự án nông nghiệp trong và ngoài nước;
- Tiếp tục đào tạo nhân lực chất lượng cao để cung cấp chuyên gia cho các nước có trình độ thấp hơn về kỹ thuật khảo sát, thiết kế thủy lợi hoặc liên doanh để tham gia các dự án quốc tế khác;
- Cơ cấu lại nguồn vốn cho sản xuất và đầu tư, sử dụng linh hoạt các nguồn tiền và vốn của HEC đảm bảo vốn cho hoạt động sản xuất kinh doanh;
- Thực hiện chính sách nhân lực trong điều kiện mới, phát triển nhân tố lao động của HEC thông qua các chương trình đào tạo dài hạn, ngắn hạn. Đồng thời đề ra các chính sách hỗ trợ, tạo điều kiện về vật chất, môi trường làm việc tốt cho người lao động.

5. Giải trình của Ban Giám đốc đối với ý kiến kiểm toán (nếu có) - (Trường hợp ý kiến kiểm toán không phải là ý kiến chấp thuận toàn phần)/Explanation of the Board of Directors for auditor's opinions (if any) - (In case the auditor's opinions are not absolutely approved).

Ý kiến kiểm toán ngoại trừ: " Tại thời điểm phát hành báo cáo kiểm toán này, chúng tôi chưa thu thập được đầy đủ các biên bản đối chiếu xác nhận công nợ của khách hàng

và nhà cung cấp. Bằng các thủ tục kiểm toán đã thực hiện chúng tôi không thể đánh giá, cũng như xác định được số dư các khoản công nợ phải thu của khách hàng (mã số 131) và khoản phải trả người bán (mã số 311) tương ứng với số tiền là 9,5 tỷ đồng và 2,6 tỷ đồng trên Bảng cân đối kế toán riêng cũng như mức độ ảnh hưởng của vấn đề này đến Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019 của Công ty.”

Giải trình của ban giám đốc:

Các khoản công nợ phải thu chưa xác nhận được đều thuộc các Chủ đầu tư là các Ban quản lý dự án thuộc Bộ NN&PTNT hoặc các địa phương. Tuy chưa có được xác nhận công nợ nhưng tài liệu chứng minh công nợ đều đầy đủ ( Biên bản nghiệm thu thanh toán giá trị khối lượng hoàn thành giữa 2 bên). Việc các Chủ đầu tư chưa thanh toán được theo số liệu đã nghiệm thu thanh toán do nguồn vốn phân bổ của Nhà nước chưa đủ nhưng khối lượng nghiệm thu hoàn thành vẫn phải lập đầy đủ theo hạng mục (theo quy định của Luật Xây dựng và Luật Thuế). Các khoản công nợ này đều có khả năng thu hồi khi Nhà nước có kế hoạch vốn phân bổ cho các dự án.

6. Báo cáo đánh giá liên quan đến trách nhiệm về môi trường và xã hội của công ty/  
Assessment Report related to environmental and social responsibility of company

a. Đánh giá liên quan đến các chỉ tiêu môi trường (tiêu thụ nước, năng lượng, phát thải...)/Review concerning the environmental indicators (water consumption, energy, emissions...):

Hoạt động của Tổng công ty không vi phạm tới các chỉ tiêu môi trường

b. Đánh giá liên quan đến vấn đề người lao động/ Review concerning the problems of workers:

Các vấn đề liên quan đến người lao động đều được thực đúng quy định của Pháp luật và thỏa ước lao động tập thể đã ký giữa đại diện tổ chức công đoàn và Người sử dụng lao động.

c. Đánh giá liên quan đến trách nhiệm của doanh nghiệp đối với cộng đồng địa phương/Review concerning corporate responsibility towards the local community:

Doanh nghiệp thực hiện đầy đủ nghĩa vụ của mình đối với cộng đồng địa phương tại những nơi có trụ sở và tại các công trình thực hiện công việc khảo sát thiết kế.

**IV. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Công ty (đối với công ty cổ phần)/Assessments of the Board of Management on the Company's operation (for joint stock companies)**

1. Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty, trong đó có đánh giá

liên quan đến trách nhiệm môi trường và xã hội/ Assessments of the Board of Management on the Company's operation, including the assessment related to environmental and social responsibilities.

## 2. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Giám đốc công ty/Assessment of Board of Directors on Board of Management' performance

Ban TGD đã thực hiện công tác điều hành đúng theo chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định của Điều lệ tổ chức hoạt động của HEC và những quy chế, quy định đã ban hành. Đồng thời có sự phối hợp chặt chẽ nhằm hoàn thành chỉ tiêu do Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên năm 2019 đề ra. Chủ động xử lý kịp thời các vấn đề phát sinh trong công tác quản lý, điều hành, đề ra những biện pháp, giải pháp tích cực để thực hiện tốt nhất nhiệm vụ sản xuất kinh doanh trong năm.

## 3. Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị/ Plans, orientations of the Board of Directors

- Phát huy uy tín và thương hiệu, thực hiện tốt các hoạt động kinh doanh chính của HEC là tư vấn khảo sát thiết kế công trình thủy lợi thủy điện, in ấn tài liệu, xử lý nền móng, tiếp cận và làm chủ được công nghệ ngành môi trường nước và các ngành nghề khác theo đăng ký kinh doanh của HEC.
- Tăng cường liên doanh, liên kết, hợp tác quốc tế để mở rộng thị trường để tạo nguồn công việc lâu dài, ổn định và phát triển bền vững;
- Nghiên cứu cơ cấu lại tổ chức, tinh giảm và nâng cao về chất nguồn nhân lực nhằm đáp ứng thị trường hiện nay;
- Trên cơ sở khả năng tài chính để tăng cường đầu tư cho khoa học công nghệ nhằm phát huy, giữ vững thương hiệu và uy tín của HEC từ đó mới nâng cao được hiệu quả sản xuất kinh doanh;

## V. Báo cáo tài chính/ *Financial statements*

### 1. Ý kiến kiểm toán/Auditor's opinions

#### *a. Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ*

Năm 2018, số dư công nợ "Phải thu khách hàng" và "Phải trả nhà cung cấp" chưa được khẳng định với số tiền tương ứng là 11 tỷ và 3,2 tỷ. Điều này dẫn đến việc chúng tôi phải đưa ý kiến ngoại trừ trên Báo cáo kiểm toán về Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018. Các vấn đề này chưa được Tổng Công ty khắc phục triệt để trong năm nay, do đó chúng tôi tiếp tục đưa ý kiến ngoại trừ đối với Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019, cụ thể như sau: Đến thời điểm phát hành Báo cáo kiểm toán này, chúng tôi chưa thu thập được đầy đủ các biên bản đối chiếu xác nhận công nợ của khách hàng và nhà cung cấp. Bằng các thủ tục kiểm toán đã thực hiện, chúng tôi không thể đánh giá cũng như xác định được số dư các khoản công nợ phải thu khách hàng (mã số 131) và khoản phải trả người bán (mã số 311) tương ứng với số tiền là 9,5 tỷ đồng

và 2,6 tỷ đồng cũng như ảnh hưởng của vấn đề này đến Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 của Công ty.

*b. Ý kiến của Kiểm toán ngoại trừ*

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ vấn đề nêu tại đoạn "Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ", Báo cáo tài chính riêng đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Tổng Công ty Tư vấn Xây dựng Thủy lợi Việt Nam - CTCP tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

*c. Vấn đề cần nhấn mạnh*

Như đã trình bày tại Thuyết minh số 5 - Thuyết minh báo cáo tài chính, tại 31/12/2019, một số khoản phải thu đã quá hạn thanh toán theo hợp đồng với tổng số tiền là 6,2 tỷ đồng. Tuy nhiên, do đặc thù hoạt động của Công ty là tư vấn, thiết kế, giám sát các công trình xây dựng thủy điện, thủy lợi thuộc các chủ đầu tư là các ban A trực thuộc Bộ, Sở Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn thuộc các tỉnh, các công trình Tổng Công ty thực hiện thường có thời gian thanh quyết toán kéo dài với chủ đầu tư nên Ban Tổng Giám đốc của Công ty đánh giá các khoản công nợ trên vẫn có khả năng thu hồi khi quyết toán.

Vấn đề cần nhấn mạnh này không làm thay đổi ý kiến kiểm toán ngoại trừ nêu trên của chúng tôi.

2. Báo cáo tài chính được kiểm toán/Audited financial statements

## BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	31/12/2019	01/01/2019
			VND	VND
100	<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>		<b>145,994,095,344</b>	<b>182,219,708,129</b>
110	<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>3</b>	<b>28,937,393,818</b>	<b>41,748,630,430</b>
111	1. Tiền		27,619,227,177	40,488,360,176
112	2. Các khoản tương đương tiền		1,318,166,641	1,260,270,254
130	<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>		<b>101,242,976,477</b>	<b>120,369,506,987</b>
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	5	75,823,524,687	86,891,620,148
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	6	8,908,324,795	14,275,696,360
136	3. Phải thu ngắn hạn khác	8	18,953,862,864	21,644,926,348
137	4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi		(2,442,735,869)	(2,442,735,869)
140	<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>11</b>	<b>15,739,146,174</b>	<b>20,032,903,261</b>
141	1. Hàng tồn kho		15,739,146,174	20,032,903,261
150	<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>		<b>74,578,875</b>	<b>68,667,451</b>
152	1. Thuế GTGT được khấu trừ		29,596,088	44,013,366
153	2. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	21	44,982,787	24,654,085
200	<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>		<b>26,034,112,764</b>	<b>28,309,307,336</b>
220	<b>II. Tài sản cố định</b>		<b>16,789,994,698</b>	<b>18,608,713,311</b>
221	1. Tài sản cố định hữu hình	13	16,789,994,698	18,585,054,406
222	- Nguyên giá		43,794,010,341	43,905,349,629
223	- Giá trị hao mòn lũy kế		(27,004,015,643)	(25,320,295,223)
227	2. Tài sản cố định vô hình	15	-	23,658,905
228	- Nguyên giá		1,094,660,000	1,094,660,000
229	- Giá trị hao mòn lũy kế		(1,094,660,000)	(1,071,001,095)
250	<b>V. Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>4</b>	<b>7,603,999,306</b>	<b>7,603,999,306</b>
251	1. Đầu tư vào công ty con		4,186,000,000	4,186,000,000
252	2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết		2,050,000,000	2,050,000,000
253	3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		1,367,999,306	1,367,999,306
260	<b>VI. Tài sản dài hạn khác</b>		<b>1,640,118,760</b>	<b>2,096,594,719</b>
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	17	826,077,481	1,282,553,440
263	2. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn		814,041,279	814,041,279
270	<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>		<b>172,028,208,108</b>	<b>210,529,015,465</b>



## BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019

(tiếp theo)

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	31/12/2019 VND	01/01/2019 VND
300	<b>C. NỢ PHẢI TRẢ</b>		<b>107,961,992,753</b>	<b>142,100,539,202</b>
310	<b>I. Nợ ngắn hạn</b>		<b>103,753,720,452</b>	<b>133,143,138,359</b>
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	20	18,332,584,652	11,389,285,059
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	19	4,198,601,700	20,639,633,414
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	21	5,915,606,733	8,251,473,558
314	4. Phải trả người lao động		17,157,482,324	25,316,453,527
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	22	7,500,461,000	22,125,680,474
319	6. Phải trả ngắn hạn khác	24	26,052,936,310	24,726,973,917
320	7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	25	21,536,741,915	16,693,838,892
322	8. Quỹ khen thưởng phúc lợi		3,059,305,818	3,999,799,518
330	<b>II. Nợ dài hạn</b>		<b>4,208,272,301</b>	<b>8,957,400,843</b>
336	1. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	23	4,208,272,301	8,957,400,843
400	<b>D. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>		<b>64,066,215,355</b>	<b>68,428,476,263</b>
410	<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	29	<b>64,066,215,355</b>	<b>68,428,476,263</b>
411	1. Vốn góp của chủ sở hữu		44,000,000,000	44,000,000,000
411a	<i>Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết</i>		<i>44,000,000,000</i>	<i>44,000,000,000</i>
418	2. Quỹ đầu tư phát triển		14,492,056,171	13,388,056,171
421	3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		5,574,159,184	11,040,420,092
421a	<i>LNST chưa phân phối năm trước</i>			
421b	<i>LNST chưa phân phối năm nay</i>		<i>5,574,159,184</i>	<i>11,040,420,092</i>
440	<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>		<b>172,028,208,108</b>	<b>210,529,015,465</b>

# BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG

Năm 2019

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2019	Năm 2018
			VND	VND
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	22	138,666,713,063	200,884,870,661
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu		-	-
10	3. <b>Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>		<b>138,666,713,063</b>	<b>200,884,870,661</b>
11	4. <b>Giá vốn hàng bán</b>	23	<b>118,353,210,166</b>	<b>169,930,911,734</b>
20	5. <b>Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>		<b>20,313,502,897</b>	<b>30,953,958,927</b>
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	24	1,175,620,788	1,188,128,692
22	7. Chi phí tài chính	25	1,849,914,346	1,855,740,266
23	<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>		<i>1,843,175,838</i>	<i>1,848,239,406</i>
25	8. Chi phí bán hàng		-	-
26	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	16,193,782,004	18,708,755,843
30	10. <b>Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh</b>		<b>3,445,427,335</b>	<b>11,577,591,510</b>
31	11. Thu nhập khác	27	4,518,545,391	2,888,150,375
32	12. Chi phí khác	28	1,137,877,397	385,400,398
40	13. <b>Lợi nhuận khác</b>		<b>3,380,667,994</b>	<b>2,502,749,977</b>
50	14. <b>Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế</b>		<b>6,826,095,329</b>	<b>14,080,341,487</b>
51	15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	29	1,251,936,145	3,039,921,395
52	16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại		-	-
60	17. <b>Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp</b>		<b>5,574,159,184</b>	<b>11,040,420,092</b>

## BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	31/12/2019	01/01/2019
			VND	VND
100	<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>		<b>191,310,096,918</b>	<b>221,531,149,146</b>
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	3	31,256,726,108	45,820,375,280
111	1. Tiền		29,138,559,467	44,560,105,026
112	2. Các khoản tương đương tiền		2,118,166,641	1,260,270,254
			0	
130	<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>		<b>132,753,631,155</b>	<b>138,502,063,516</b>
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	5	87,981,550,953	99,231,742,846
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	6	4,516,381,323	7,119,432,360
136	3. Phải thu ngắn hạn khác	7	42,698,434,748	34,593,624,179
137	4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi		(2,442,735,869)	(2,442,735,869)
			0	
140	<b>IV. Hàng tồn kho</b>	11	<b>27,225,160,780</b>	<b>36,619,701,266</b>
141	1. Hàng tồn kho		27,225,160,780	36,619,701,266
			0	
150	<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>		<b>74,578,875</b>	<b>589,009,084</b>
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	12	0	28,152,732
152	2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ		29,596,088	536,202,267
153	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	15	44,982,787	24,654,085
200	<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>		<b>25,414,373,309</b>	<b>27,897,002,367</b>
220	<b>II. Tài sản cố định</b>		<b>18,248,155,633</b>	<b>20,409,293,483</b>
221	1. Tài sản cố định hữu hình	9	18,248,155,633	20,385,634,578
222	- Nguyên giá		52,544,019,894	52,844,672,302
223	- Giá trị hao mòn lũy kế		(34,295,864,261)	(32,459,037,724)
227	2. Tài sản cố định vô hình	10	0	23,658,905
228	- Nguyên giá		1,094,660,000	1,094,660,000
229	- Giá trị hao mòn lũy kế		(1,094,660,000)	(1,071,001,095)
			0	
250	<b>V. Đầu tư tài chính dài hạn</b>	4	<b>5,394,658,299</b>	<b>5,100,145,465</b>
252	1. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết		4,026,658,993	3,732,146,159
253	2. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		1,367,999,306	1,367,999,306
			0	
260	<b>VI. Tài sản dài hạn khác</b>		<b>1,771,559,377</b>	<b>2,387,563,419</b>
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	12	957,518,098	1,573,522,140
263	2. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn		814,041,279	814,041,279
			0	
270	<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>		<b>216,724,470,227</b>	<b>249,428,151,513</b>

## BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019

( tiếp theo)

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	31/12/2018	31/12/2018
			VND	VND
<b>300</b>	<b>C. NỢ PHẢI TRẢ</b>		<b>136,648,381,847</b>	<b>166,588,830,635</b>
<b>310</b>	<b>I. Nợ ngắn hạn</b>		<b>132,440,109,546</b>	<b>157,631,429,792</b>
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	14	14,940,716,236	19,411,881,387
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	13	6,986,938,330	26,060,996,444
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	15	8,258,740,504	9,419,034,140
314	4. Phải trả người lao động		19,629,099,725	28,476,667,631
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	16	29,634,989,449	26,598,839,649
319	6. Phải trả ngắn hạn khác	18	27,234,079,477	26,338,279,517
320	7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	19	21,586,741,915	17,093,838,892
322	8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi		4,168,803,910	4,231,892,132
			0	
<b>330</b>	<b>II. Nợ dài hạn</b>		<b>4,208,272,301</b>	<b>8,957,400,843</b>
336	1. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	17	4,208,272,301	8,957,400,843
			0	
<b>400</b>	<b>D. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>		<b>80,076,088,380</b>	<b>82,839,320,878</b>
<b>410</b>	<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>20</b>	<b>71,782,477,987</b>	<b>82,839,320,878</b>
411	1. Vốn góp của chủ sở hữu		44,000,000,000	44,000,000,000
411a	<i>Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết</i>		44,000,000,000	44,000,000,000
414	2. Vốn khác của chủ sở hữu		356,849,738	356,849,738
418	3. Quỹ đầu tư phát triển		17,613,171,142	15,953,625,214
421	4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		9,812,457,107	14,768,674,613
421a	<i>LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước</i>		2,312,315,342	2,181,491,878
421b	<i>LNST chưa phân phối năm nay</i>		7,500,141,765	12,587,182,735
429	6. Lợi ích cổ đông không kiểm soát		8,293,610,393	7,760,171,313
			0	
<b>440</b>	<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>		<b>216,724,470,227</b>	<b>249,428,151,513</b>

# BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Năm 2019

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2019	Năm 2018
			VND	VND
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	22	184,215,090,237	231,075,729,750
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu			-
10	3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ		184,215,090,237	231,075,729,750
11	4. Giá vốn hàng bán	23	153,443,729,549	190,833,392,048
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		30,771,360,688	40,242,337,702
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	24	636,788,759	883,211,644
22	7. Chi phí tài chính	25	1,914,873,250	2,108,421,589
23	<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>		<i>1,903,634,742</i>	<i>2,100,920,729</i>
24	8. Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết		294,512,834	(60,396,536)
25	9. Chi phí bán hàng			-
26	10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	21,884,565,188	23,478,973,441
30	11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		7,903,223,843	15,477,757,780
31	12. Thu nhập khác	27	4,619,454,482	2,969,930,779
32	13. Chi phí khác	28	1,152,863,479	431,937,525
40	14. Lợi nhuận khác		3,466,591,003	2,537,993,254
50	15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		11,369,814,846	18,015,751,034
51	16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	29	2,229,166,662	3,932,241,068
52	17. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại			-
60	18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		<u>9,140,648,184</u>	<u>14,083,509,966</u>
61	19. Lợi nhuận sau thuế của Công ty mẹ		7,500,141,765	12,587,182,735
62	20. Lợi nhuận sau thuế của Cổ đông không kiểm soát		1,640,506,239	1,496,327,231
70	21. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	30	1,705	2,861

XÁC NHẬN CỦA ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA CÔNG TY  
CONFIRMATION BY THE COMPANY'S LEGAL REPRESENTATIVE



**TÔNG GIÁM ĐỐC**  
Nguyễn Ngọc Lâm